



Số: 12/2021/CBTT-FNS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 28 tháng 7 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan

Tên viết tắt: FNS

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.62959158

Fax: 028.62959218

Người thực hiện công bố thông tin: Dương Thị Minh Thảo

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng):

Fax:

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

1. Báo cáo Tình hình quản trị Công ty bán niên năm 2021.
2. Toàn bộ nội dung báo cáo đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/7/2021 tại đường dẫn:

https://funan.com.vn/vi/cat/bao-cao-tinh-hinh-quan-tri-cong-ty_111.html

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi gửi:

- Như trên.
- Lưu: P.KSNB.

Đính kèm:

- Báo cáo Tình hình quản trị Công ty bán niên 2021.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DƯƠNG THỊ MINH THẢO



Số: 281/2021/BC-FNS

No:/BC-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

Tp.HCM, ngày 28 tháng 7 năm 2021

...., month... day....year...

BÁO CÁO

Tình hình quản trị công ty

REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE

(Bán niên 2021)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;

- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;

- The Stock Exchange.

- Tên công ty/Name of company: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FUNAN
- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice: Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn , P. Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM.
- Điện thoại/ Telephone: (028) 62959158 Fax: (028) 62959218 Email: fns@funan.com.vn
- Vốn điều lệ/Charter capital: 340.000.000.000đ (Ba trăm bốn mươi tỷ đồng)
- Mã chứng khoán/Stock symbol:
- Mô hình quản trị công ty/Governance model:
- Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc /General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.
- Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/ Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị/ General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director, Director and Audit Committee under the Board of Directors.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện /The implementation of internal audit: Implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

| Stt No. | Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No. | Ngày Date | Nội dung Content |
|------------|---|--------------|--------------------------------------|
| 1 | 01/2021/NQ.ĐHCĐ-FNS | 18/4/2021 | Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 |

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)/ Board of Directors (Semiannual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) Information about the members of the Board of Directors:

| Stt No. | Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members | Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)) | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors | |
|------------|--|--|---|--------------------------------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm Date of appointment | Ngày miễn nhiệm Date of dismissal |
| | | | | |
| | | | | |

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

| Stt No. | Thành viên HĐQT/ Board of Director' member | Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended by Board of Directors | Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate | Lý do không tham dự họp/Reasons for absence |
|------------|---|---|--|--|
| 1 | Dương Thị Minh Thảo | 03 | 100% | |
| 2 | Xu Chun | 03 | 100% | |
| 3 | Xu Zhi Wei | 03 | 100% | |
| 4 | Bellman Ronald David Windevere | 03 | 100% | |
| 5 | Hoàng Thị Thùy | 03 | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

- Giao chỉ tiêu hoạt động kinh doanh và giám sát trên doanh số, kiểm tra việc hoàn thành doanh số được giao.
- Thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc hoàn thành các công việc được giao.
- Ban Giám đốc báo cáo HĐQT thông qua việc báo cáo định kỳ hằng ngày/ tuần/ tháng/ năm.
- Kịp thời chấn chỉnh các công việc hoặc những xử lý chưa chuẩn chỉnh của Ban Giám đốc.
- Tăng cường trao đổi giải quyết những khó khăn/ cải tiến quá trình vận hành kinh doanh được hiệu quả hơn (bao gồm cả hệ thống công nghệ thông tin cũng như hệ thống nhân sự).
- Thường xuyên trao đổi bồi dưỡng nâng cao kinh nghiệm quản lý cho Ban giám đốc thông qua các phương thức xử lý dịch vụ hằng ngày.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any): Không

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng /năm)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

| Stt No. | Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/Decision No.</i> | Ngày <i>Date</i> | Nội dung <i>Content</i> | Tỷ lệ thông qua <i>Approval rate</i> |
|---------|--|------------------|---|--------------------------------------|
| 1 | 01/2021/FNS-NQ.HĐQT | 03/01/2021 | Các vấn đề liên quan đến nhân sự của Chi nhánh Hà Nội | 100% |
| 2 | 02/2021/FNS-NQ.HĐQT | 04/01/2021 | Bổ nhiệm chức danh Giám đốc vùng | 100% |
| 3 | 03/2021/FNS-NQ.HĐQT | 05/4/2021 | Tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 | 100% |
| 4 | 04/2021/FNS-NQ.HĐQT | 15/5/2021 | Thưởng Quý 1/2021 | 100% |
| 5 | 05/2021/FNS-NQ.HĐQT | 25/5/2021 | Bán cổ phiếu OTC trên tài khoản Tự doanh của Công ty | 100% |

III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo năm)/Board of Supervisors/Audit Committee (Semi-annual report/annual report):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:

| Stt No. | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i> | Chức vụ <i>Position</i> | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee</i> | Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i> |
|---------|--|-------------------------|---|--|
| 1 | Ông Trần Dương Nghĩa | Thành viên BKS | 18/4/2021 - Miễn nhiệm | Kiểm toán |
| 2 | Bà Phạm Thị Thùy Trâm | Thành viên BKS | 18/4/2021 - Bầu bổ sung | Cử nhân Kế toán DN |

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee:
Không phát sinh

| Stt No. | Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i> | Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i> | Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i> | Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i> | Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i> |
|---------|--|--|--|-------------------------------------|--|
| | | | | | |
| | | | | | |

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:*
- Trong 6 tháng đầu năm 2021, Hội đồng Quản trị đã tiến hành họp và đã ban hành các Quyết định, Nghị quyết để Ban Giám đốc có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021.
 - Về trình tự, thủ tục thực hiện theo đúng Quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Nội dung các cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận được bàn bạc dân chủ, các quyết định của HĐQT có sự thống nhất cao của các thành viên
4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*
- Ban kiểm soát luôn duy trì công tác liên hệ phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc bằng nhiều phương thức trong quá trình hoạt động nhằm đạt được hiệu quả trong việc giám sát. Thông qua các báo cáo, thông tin điều hành hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc thường xuyên được cập nhật đến Ban kiểm soát kịp thời.
5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):* Không phát sinh.

IV. Ban điều hành/Board of Management

| STT No. | Thành viên Ban điều hành/ <i>Members of Board of Management</i> | Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ <i>Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management</i> |
|------------|---|---|---|---|
| | | | | |
| | | | | |

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant: Không thay đổi

| Họ và tên <i>Name</i> | Ngày tháng năm sinh <i>Date of birth</i> | Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Qualification</i> | Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of appointment/ dismissal</i> |
|--------------------------|---|---|--|
| | | | |
| | | | |

VI. Đào tạo về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance:* Không

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty/*Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance: Không phát sinh*

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/*The list of affiliated persons of the public company (annual report) and transactions of affiliated persons of the Company*): Không

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/*The list of affiliated persons of the Company*

| STT No. | Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH <i>No. *, date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do <i>Reasons</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty/ <i>Relationship with the Company</i> |
|------------|---|---|---|--|--|--|--|-------------------------|--|
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

Ghi chú/Note: số Giấy NSH*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

| Stt No. | Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/ individual</i> | Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i> | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. * date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i> | Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i> | Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) <i>Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i> | Ghi chú <i>Note</i> |
|---------|--|---|---|--|---|---|--|------------------------|
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

Ghi chú/Note: số Giấy NSH: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).*

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: Không phát sinh*

| Stt No. | Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i> | Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i> | Chức vụ tại CTNY <i>Position at the listed Company</i> | Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No. /Passport No., date of issue, place of Issue</i> | Địa chỉ <i>Address</i> | Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i> | Thời điểm giao dịch <i>Time of transaction</i> | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch <i>Content, quantity, total value of transaction</i> | Ghi chú <i>Note</i> |
|---------|--|---|---|--|---------------------------|--|---|--|------------------------|
| | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | |

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*: Không phát sinh.
- 4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting)*.
- 4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO)*.
- 4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers*.
- VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm)/*Share transactions of internal persons and their affiliated persons (annual report)*: Không phát sinh
1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

| stt N o. | Họ tên <i>Name</i> | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i> | Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Pass port No., date of issue, place of issue</i> | Địa chỉ liên hệ <i>Address</i> | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i> | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i> | Ghi chú <i>Note</i> |
|----------------|-----------------------|--|---|--|--------------------------------------|---|---|------------------------|
|----------------|-----------------------|--|---|--|--------------------------------------|---|---|------------------------|

| | | | | | | | | |
|---|---|--|--|--|--|--|--|--|
| 1 | (Tên người nội bộ/ <i>Name of internal person</i>) | | | | | | | |
| | Tên người có liên quan của người nội bộ/ <i>Name affiliated persons</i> | | | | | | | |
| | ... | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

| Stt No | Người thực hiện giao dịch/ <i>Transaction executor</i> | Quan hệ với người nội bộ/ <i>Relations hip with internal persons</i> | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ <i>Number of shares owned at the beginning of the period</i> | | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ <i>Number of shares owned at the end of the period</i> | | Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) / <i>Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)</i> |
|-----------|--|--|---|--------------------------|--|--------------------------|---|
| | | | Số cổ phiếu/ <i>Number of shares</i> | Tỷ lệ/ <i>Percentage</i> | Số cổ phiếu/ <i>Number of shares</i> | Tỷ lệ/ <i>Percentage</i> | |
| | | | | | | | |

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: Không

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)



DƯƠNG THỊ MINH THẢO

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: P.KSNB